



## WRITING TASK 2

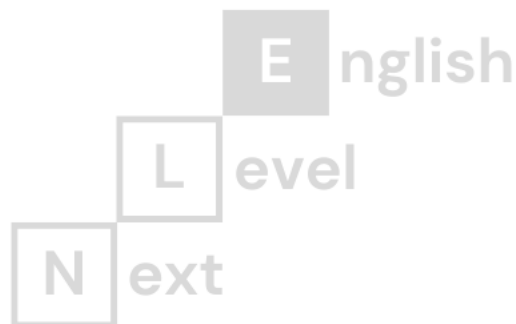
### CHALLENGE 45

#### DẠNG BÀI: TWO-PART QUESTION

Some parents buy their children whatever they ask for and allow their children to do whatever they want. Is this a good way to raise children? What consequences could this style of parenting have for children as they get older?

#### BƯỚC 1: Đọc đề và thực hiện theo các bước sau:

- 1/ Tạo structure (dàn ý) cho dạng bài Two-part question
- 2/ Main ideas cho từng đoạn paragraph (topic sentence, explanation, examples).





## Next Level English

Take your English to the next level with IELTS teachers 8.0+

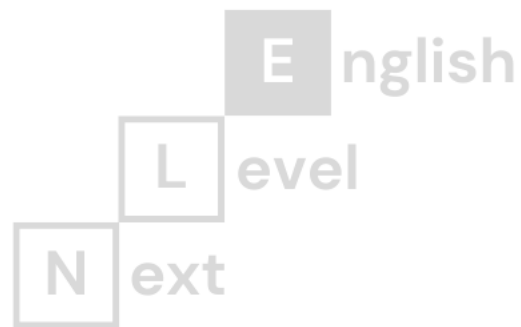
Website: [nextlevelenglish.vn](http://nextlevelenglish.vn)

Fanpage/YouTube: [Next Level English](#)

Group: [Học IELTS 8.0+ cùng Hanna](#)

Phone: 0869.354.255 (Zalo – Nuhao)

**BƯỚC 2: Tự viết bài theo ý của bạn (min 250 từ), cố gắng canh thời gian  $\leq 40$  phút.**





### BƯỚC 3: Đọc bài mẫu và Rút trích ideas, từ vựng, ngữ pháp:

#### Sample essay (TED IELTS\_band 9.0)

In today's society, some parents are becoming increasingly permissive. They do not impose sufficient discipline on their children, and in some cases buy them too many things. This essay will explore why this is not a good way to raise children and why it will have negative impacts upon them in future.

While it is understandable that parents want to give their children expensive toys and let them run freely in the streets, this is actually not really an appropriate method of parenting. Having too many toys encourages children to be materialistic and does not offer them the same chance to develop social skills like sharing. Furthermore, when children have asked for the toys, it gives them a sense of entitlement and even power over their parents. As for giving children too much freedom, there are obviously a great many dangers in this world from which they need to be kept safe. Children also need rules and boundaries to encourage them to develop into mature and responsible adults.

If parents insist on this permissive style of parenting, their children will grow up with very different values from those of stricter parents. Children who were never forced to study will end up with poorer grades in school, and those who were given everything they wanted as children will expect everything to come easily as adults. In short, they will lead difficult and disappointing lives, in contrast with what their parents hoped.

In conclusion, although it is tempting to give children whatever they want, parents ought to set rules and boundaries, and to be careful with how they reward children. If parents fail to impose a basic level of discipline, children may grow up with a poor attitude that will cause them and others to suffer.

(294 words)

#### 1/ Structure essay (dàn ý)

##### Introduction

- Topic: Increasingly permissive parenting.
- Problem: Lack of discipline and overindulgence.
- Thesis: This approach negatively affects children's character and future outcomes.

##### Body Paragraph 1 – Causes

- Main idea 1: Excessive material rewards foster materialism.
- Explanation: Children fail to develop sharing and social skills.

- Main idea 2: Too much freedom removes necessary protection.
- Extension: Rules and boundaries build responsibility and maturity.

## Body Paragraph 2 – Effects

- Academic consequence: Lack of discipline leads to poor performance.
- Psychological consequence: Sense of entitlement.
- Long-term outcome: Unrealistic expectations and disappointing adulthood.

## Conclusion

- Restate: Over-permissive parenting is harmful.
- Final advice: Parents must balance love with discipline.

## 2/ Dịch song ngữ:

| English                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Tiếng Việt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| In today's society, some parents are becoming increasingly <b>permissive</b> . They do not impose sufficient <b>discipline</b> on their children, and in some cases buy them too many things. This essay will explore why this is not an <b>appropriate method of parenting</b> and why it may have <b>negative impacts</b> on children in the future.                             | Trong xã hội ngày nay, một số phụ huynh ngày càng trở nên <b>nuông chiều</b> . Họ không áp đặt đủ <b>kỷ luật</b> lên con cái và trong một số trường hợp còn mua cho chúng quá nhiều thứ. Bài luận này sẽ phân tích vì sao đây không phải là một <b>phương pháp nuôi dạy phù hợp</b> và vì sao nó có thể gây ra <b>tác động tiêu cực</b> trong tương lai. |
| While it is understandable that parents want to give their children <b>expensive toys</b> and allow them greater <b>freedom</b> , this approach is not a particularly effective parenting strategy. Having too many possessions encourages children to become <b>materialistic</b> and limits their opportunity to develop <b>social skills</b> , such as sharing and cooperation. | Mặc dù có thể hiểu rằng cha mẹ muốn cho con <b>đồ chơi đắt tiền</b> và trao cho chúng nhiều <b>tự do</b> hơn, cách tiếp cận này không phải là chiến lược nuôi dạy hiệu quả. Việc có quá nhiều vật chất khuyến khích trẻ trở nên <b>vật chất hóa</b> và hạn chế cơ hội phát triển <b>kỹ năng xã hội</b> , chẳng hạn như chia sẻ và hợp tác.               |
| Furthermore, constantly fulfilling children's demands may create a strong <b>sense of entitlement</b> , leading them to believe that they deserve everything without effort. As for granting excessive independence, children may be exposed to various <b>potential dangers</b> from which they need protection.                                                                  | Hơn nữa, việc liên tục đáp ứng mọi yêu cầu của trẻ có thể tạo ra <b>cảm giác đặc quyền</b> , khiến chúng tin rằng mình xứng đáng có mọi thứ mà không cần nỗ lực. Về việc cho quá nhiều sự tự do, trẻ có thể tiếp xúc với nhiều <b>nguy cơ tiềm ẩn</b> mà đáng lẽ chúng cần được bảo vệ.                                                                  |

| English                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Tiếng Việt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| More importantly, clear <b>rules and boundaries</b> are essential in helping children develop into <b>mature and responsible adults</b> . Without proper guidance, they may struggle to understand limitations and accountability.                                                                                                                                                                   | Quan trọng hơn, những <b>quy tắc và giới hạn rõ ràng</b> là cần thiết để giúp trẻ phát triển thành <b>người trưởng thành chín chắn và có trách nhiệm</b> . Nếu thiếu sự định hướng đúng đắn, chúng có thể gặp khó khăn trong việc hiểu về giới hạn và trách nhiệm cá nhân.                                                                                                                                          |
| If parents persist with this <b>permissive style of parenting</b> , children may grow up with distorted <b>values</b> compared to those raised in more structured households. Those who were never encouraged to study diligently may achieve <b>poorer academic performance</b> , while children who received everything they desired may develop <b>unrealistic expectations</b> about adult life. | Nếu cha mẹ tiếp tục theo đuổi <b>phong cách nuôi dạy nuông chiều</b> , trẻ có thể lớn lên với những <b>giá trị</b> lệch lạc so với những trẻ được nuôi dạy trong môi trường có kỷ luật hơn. Những em chưa từng được khuyến khích học tập chăm chỉ có thể đạt <b>kết quả học tập kém hơn</b> , trong khi những em được đáp ứng mọi mong muốn có thể hình thành <b>kỳ vọng phi thực tế</b> về cuộc sống trưởng thành. |
| Ultimately, they may encounter significant <b>disappointment</b> and lead challenging lives that contrast sharply with their parents' intentions.                                                                                                                                                                                                                                                    | Cuối cùng, chúng có thể đối mặt với <b>sự thất vọng</b> lớn và sống một cuộc đời nhiều khó khăn, trái ngược hoàn toàn với mong muốn ban đầu của cha mẹ.                                                                                                                                                                                                                                                             |
| In conclusion, although it is tempting to satisfy children's desires, parents should maintain a balanced approach by combining affection with <b>firm discipline</b> . Failure to establish a basic level of control may result in children developing a <b>poor attitude</b> that negatively affects both themselves and others.                                                                    | Tóm lại, mặc dù việc đáp ứng mong muốn của trẻ có thể rất hấp dẫn, cha mẹ nên duy trì cách tiếp cận cân bằng bằng cách kết hợp tình yêu thương với <b>kỷ luật nghiêm khắc</b> . Việc không thiết lập mức kiểm soát cơ bản có thể khiến trẻ phát triển <b>thái độ tiêu cực</b> , ảnh hưởng xấu đến bản thân và những người xung quanh.                                                                               |

### 3/ Vocab and Grammar:

#### 3.1/ Vocabulary:

| Phrase                          | Loại     | Nghĩa                        | Synonym                    | Antonym               |
|---------------------------------|----------|------------------------------|----------------------------|-----------------------|
| permissive                      | adj      | nuông chiều                  | lenient                    | strict                |
| discipline                      | n        | kỷ luật                      | control                    | chaos                 |
| appropriate method of parenting | n<br>phr | phương pháp nuôi dạy phù hợp | proper upbringing approach | ineffective parenting |

| Phrase                        | Loại     | Nghĩa                                          | Synonym                | Antonym                 |
|-------------------------------|----------|------------------------------------------------|------------------------|-------------------------|
| negative impacts              | n<br>phr | tác động tiêu cực                              | harmful effects        | positive outcomes       |
| expensive toys                | n<br>phr | đồ chơi đắt tiền                               | costly items           | inexpensive toys        |
| freedom                       | n        | tự do                                          | liberty                | restriction             |
| materialistic                 | adj      | vật chất hóa                                   | consumer-oriented      | non-materialistic       |
| social skills                 | n<br>phr | kỹ năng xã hội                                 | interpersonal skills   | -                       |
| sense of entitlement          | n<br>phr | cảm giác đặc quyền                             | feeling of privilege   | humility                |
| potential dangers             | n<br>phr | nguy cơ tiềm ẩn                                | possible risks         | safety                  |
| rules and boundaries          | n<br>phr | quy tắc và giới hạn                            | regulations and limits | freedom                 |
| mature and responsible adults | n<br>phr | người trưởng thành chín chắn và có trách nhiệm | well-adjusted adults   | immature individuals    |
| permissive style of parenting | n<br>phr | phong cách nuôi dạy nuông chiều                | indulgent parenting    | authoritarian parenting |
| values                        | n        | giá trị                                        | principles             | -                       |
| poorer academic performance   | n<br>phr | kết quả học tập kém hơn                        | lower grades           | academic excellence     |
| unrealistic expectations      | n<br>phr | kỳ vọng phi thực tế                            | impractical hopes      | realistic expectations  |
| disappointment                | n        | sự thất vọng                                   | dissatisfaction        | satisfaction            |
| firm discipline               | n<br>phr | kỷ luật nghiêm khắc                            | strict control         | leniency                |
| poor attitude                 | n<br>phr | thái độ tiêu cực                               | negative mindset       | positive attitude       |

## 3.2/ Ngữ pháp và cấu trúc hay:

| Cấu trúc               | Nghĩa     | Cách dùng                                 | Ví dụ                                |
|------------------------|-----------|-------------------------------------------|--------------------------------------|
| While + clause, clause | Mặc dù... | nhượng bộ, chuẩn bị đưa quan điểm đối lập | <i>While it is understandable...</i> |



| Cấu trúc               | Nghĩa             | Cách dùng                           | Ví dụ                                       |
|------------------------|-------------------|-------------------------------------|---------------------------------------------|
| Having + noun phrase   | Việc có...        | Danh động từ<br>(V_ing làm chủ ngữ) | <i>Having too many possessions...</i>       |
| Without + noun, clause | Nếu không có...   | Diễn tả điều kiện thiếu             | <i>Without proper guidance...</i>           |
| Those who + clause     | Những người mà... | Mệnh đề quan hệ                     | <i>Those who were never encouraged...</i>   |
| Failure to + V         | Việc không thể... | Cách diễn đạt phủ định nâng cao     | <i>Failure to establish...</i>              |
| May result in + noun   | Có thể dẫn đến    | Diễn tả hệ quả                      | <i>may result in children developing...</i> |
| Compared to + noun     | So với            | So sánh học thuật                   | <i>compared to those raised...</i>          |

**BƯỚC 4:** Sau khi đã học từ bài mẫu, nếu được enhance bài viết của bạn, bạn sẽ viết lại thế nào?

